

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh Mã cổ phiếu: HTI

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thúc	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)
	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Thành viên
	Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
	Bà Trần Thúy Hương	Thành viên
	Ông Khương Quốc Bình	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số. 623/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		129.641.601.670	158.844.760.308
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.154.351.309	7.675.336.067
1. Tiền	111		15.154.351.309	7.675.336.067
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.018.656.401	128.653.188.494
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	89.018.656.401	128.653.188.494
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.609.638.948	19.991.087.302
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.464.808.723	7.851.401.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.773.119.033	10.690.403.084
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.116.139.353	2.193.710.685
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(744.428.161)	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	509.401.809	2.465.656.762
1. Hàng tồn kho	141		509.401.809	2.465.656.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.349.553.203	59.491.683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.290.061.520	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	59.491.683	59.491.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.585.228.469.798	1.519.614.891.583
I Các khoản phải thu dài hạn	210		17.226.084	17.226.084
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	17.226.084	17.226.084
II Tài sản cố định	220		1.438.214.974.996	1.102.354.583.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.438.173.785.739	1.102.299.015.403
- Nguyên giá	222		2.364.909.830.334	1.995.132.009.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(926.736.044.595)	(892.832.993.804)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	41.189.257	55.567.831
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(874.535.543)	(860.156.969)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		141.728.407.294	411.975.220.841
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	141.728.407.294	411.975.220.841
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		5.267.861.424	5.267.861.424
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	5.267.861.424	5.267.861.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.714.870.071.468	1.678.459.651.891

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.296.037.945.869	1.238.885.037.786
I- Nợ ngắn hạn	310		165.896.025.929	152.366.455.914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	15.806.924.391	20.847.487.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	1.557.332.604	3.996.711.377
4. Phải trả người lao động	314		1.493.842.372	6.402.307.607
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	3.101.872.163	10.627.011.316
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	132.357.228.488	105.357.228.488
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		11.578.825.911	5.135.709.568
II- Nợ dài hạn	330		1.130.141.919.940	1.086.518.581.872
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	-	-
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.130.141.919.940	1.086.518.581.872
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		418.832.125.599	439.574.614.105
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	418.832.125.599	439.574.614.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		135.014.314.353	43.769.967.769
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.325.811.246	146.312.646.336
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	68.160.802.090
- LNST chưa phân phối kì này	421b		34.325.811.246	78.151.844.246
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.714.870.071.468	1.678.459.651.891

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trường Vũ



Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	188.688.735.845	171.881.491.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	188.688.735.845	171.881.491.879
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	89.557.377.200	78.117.533.705
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		99.131.358.645	93.763.958.174
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.983.068.854	16.052.712.484
7. Chi phí tài chính	22	5.20	38.405.444.633	35.479.496.541
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		38.405.444.633	35.479.496.541
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	20.074.012.312	16.367.374.713
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	7.783.135.105	6.673.283.999
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		35.851.835.449	51.296.515.405
11. Thu nhập khác	31		337.075.553	88.265.252
12. Chi phí khác	32		56.478.112	140.801.062
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		280.597.441	(52.535.810)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		36.132.432.890	51.243.979.595
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.806.621.644	4.860.390.212
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.325.811.246	46.383.589.383
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.376	1.656

Người lập biểu



Nguyễn Trường Vũ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.132.432.890	51.243.979.595
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	34.714.956.777	36.401.738.211
- Các khoản dự phòng	03	27.000.000.000	11.425.000.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.231.140.127)	(16.052.712.484)
- Chi phí lãi vay	06	38.405.444.633	35.479.496.541
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	133.021.694.173	118.497.501.863
- Biến động các khoản phải thu	09	(4.908.613.166)	(26.127.241.319)
- Biến động hàng tồn kho	10	1.956.254.953	(187.182.413)
- Biến động các khoản phải trả	11	(14.670.794.857)	16.749.370.001
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.405.444.633)	(35.479.496.541)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.495.059.968)	(6.786.876.949)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.750.570.609)	(1.572.997.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69.747.465.893	65.093.077.442
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(104.341.533.439)	(200.837.621.699)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	248.071.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.365.844.621)	(162.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87.000.376.714	70.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	7.930.773.120
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.983.068.854	16.052.712.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.475.861.219)	(268.854.136.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	88.623.338.068	280.546.369.696
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(45.000.000.000)	(49.543.318.024)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.415.927.500)	(29.401.680.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(792.589.432)	201.601.371.192
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	7.479.015.242	(2.159.687.461)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.675.336.067	9.231.203.224
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	15.154.351.309	7.071.515.763

Người lập biểu



Nguyễn Trường Vũ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐTV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 410300873) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011.

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận TP. HCM; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1-ĐTTN ngày 07/04/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2-ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Chi tiết góp vốn:

Stt	Đối tượng	Theo sổ cổ đông thực tế tại 30/06/2018		Cổ phần
		VND	%	
1	Tổng Công ty IDICO - CTCP	118.508.700.000	47,5%	11.850.870
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	10%	2.494.920
5	Vốn góp của đối tượng khác	106.034.100.000	42,5%	10.603.410
	Tổng	249.492.000.000	100%	24.949.200

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: HTI

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại 30/06/2018: 291 người (tại ngày 31/12/2017: 320 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 1/2005 (*Giai đoạn 1*), Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (*Giai đoạn 2*) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHĐ-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (*Giai đoạn 3*), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO – IDI

Địa chỉ: 560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - Phường Bình Hưng Hòa B - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Máy móc và thiết bị	06- 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06- 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Suong - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 - Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm 2005, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	7.613.488.237	5.003.372.257
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.540.863.072	2.671.963.810
Cộng	15.154.351.309	7.675.336.067

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam. Lãi suất tiền gửi bình quân 5,5%/ năm theo từng lần gửi tiết kiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.464.808.723	7.851.401.694
Ban quản lý dự án Khu dân cư mở rộng phường 6, Long An	523.336.000	523.336.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng kỹ thuật Đông Dương	1.251.450.000	1.251.450.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn	5.660.022.723	6.046.615.694
Phải thu các khách hàng còn lại	30.000.000	30.000.000
Cộng	7.464.808.723	7.851.401.694

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là giá trị công trình phần phát sinh và giá trị bảo hành.

5.4 Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.116.139.353	667.359.558	2.193.710.685	
Tạm ứng	4.362.481.237	-	1.252.202.519	-
Ký cược ký quỹ	185.866.008	-	185.866.008	-
Phải thu khác	1.567.792.108	667.359.558	755.642.158	667.359.558
b) Dài hạn	17.226.084	-	17.226.084	-
- Ký cược, ký quỹ	17.226.084	-	17.226.084	-
Cộng	6.133.365.437	667.359.558	2.210.936.769	-

5.5 Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Ngô Văn Quang	116.574.900	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tông	325.977.668	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	301.875.593	-	301.875.593	-
Cộng	744.428.161	-	744.428.161	-
Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tông	-	-	-	325.977.668
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Nguyên liệu, vật liệu	399.387.375	-	497.153.095	-
Công cụ, dụng cụ	110.014.434	-	112.778.070	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.855.725.597	-
Cộng	509.401.809	-	2.465.656.762	-

5.7 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018 VND
Phải nộp	3.996.711.377	14.107.274.736	16.546.653.509	1.557.332.604
Thuế GTGT	1.266.840.229	10.192.026.102	11.458.866.331	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.604.952.710	1.806.621.644	3.495.059.968	916.514.386
Thuế thu nhập cá nhân	124.918.438	2.088.115.923	1.572.216.143	640.818.218
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		20.511.067	20.511.067	-
Phải thu	59.491.683	-	-	59.491.683
Thuế nhập khẩu còn được hoàn	59.491.683	-	-	59.491.683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

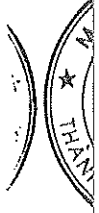
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

MÀU B 09 a - DN
 Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	1.975.017.352.591	9.079.404.784	9.595.942.145	1.439.309.687	1.995.132.009.207
Tăng trong kỳ	368.260.289.086	-	2.315.059.453	-	370.575.348.539
Mua trong kỳ	-	-	2.315.059.453	-	2.315.059.453
Đầu tư XDCB hoàn thành	368.260.289.086	-	-	-	368.260.289.086
Giảm trong kỳ	-	-	797.527.412	-	797.527.412
Thanh lý nhượng bán	-	-	797.527.412	-	797.527.412
Số dư tại 30/06/2018	2.343.277.641.677	9.079.404.784	11.113.474.186	1.439.309.687	2.364.909.830.334
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	879.784.932.323	7.648.176.868	4.752.119.960	647.764.653	892.832.993.804
Tăng trong kỳ	33.769.969.915	291.199.542	541.480.547	97.928.199	34.700.578.203
Khấu hao trong kỳ	33.769.969.915	291.199.542	541.480.547	97.928.199	34.700.578.203
Giảm trong kỳ	-	-	797.527.412	-	797.527.412
Thanh lý nhượng bán	-	-	797.527.412	-	797.527.412
Số dư tại 30/06/2018	913.554.902.238	7.939.376.410	4.496.073.095	745.692.852	926.736.044.595
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	1.095.232.420.268	1.431.227.916	4.843.822.185	791.545.034	1.102.299.015.403
Tại ngày 30/06/2018	1.429.722.739.439	1.140.028.374	6.617.401.091	693.616.835	1.438.173.785.739

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2018 là: 789.264.469.687 đồng (tài ngày 31/12/2017 là 785.906.304.632 đồng)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2018	915.724.800	915.724.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2018	860.156.969	860.156.969
Tăng trong kỳ	14.378.574	14.378.574
Khấu hao trong kỳ	14.378.574	14.378.574
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2018	874.535.543	874.535.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2018	55.567.831	55.567.831
Tại ngày 30/06/2018	41.189.257	41.189.257

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2018: 714.424.800 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 714.424.800 đồng)

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	141.728.407.294	411.975.220.841
Dự án Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	4.278.168.514	4.143.008.559
Dự án cầu vượt nút giao QL1 - Lê Trọng Tấn	83.620.057.212	388.786.469.885
Dự án cầu tạm Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	47.025.941.842	11.992.506.755
Các dự án khác	3.475.637.856	3.577.597.786
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.328.601.870	3.475.637.856
c) Chi sửa chữa	-	-
Cộng	141.728.407.294	411.975.220.841

5.11 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.267.861.424	5.267.861.424
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích trước chi phí duy tu sửa chữa định kỳ	5.267.861.424	5.267.861.424

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	15.806.924.391	15.806.924.391	20.847.487.558	20.847.487.558
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long	107.798.009	107.798.009	1.759.810.618	1.759.810.618
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	-	-	2.209.099.138	2.209.099.138
Công ty TNHH MTV TM DV Thế giới Công Nghệ	2.346.639.107	2.346.639.107	5.050.549.791	5.050.549.791
Công ty Cổ phần công nghệ Tiên Phong	584.962.560	584.962.560	2.736.024.000	2.736.024.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	8.483.174.600	8.483.174.600	-	-
Phải trả các đối tượng khác	4.284.350.115	4.284.350.115	9.092.004.011	9.092.004.011
Cộng	15.806.924.391	15.806.924.391	20.847.487.558	20.847.487.558

5.13 Phải trả khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	3.101.872.163	10.627.011.316
Kinh phí công đoàn	71.815.120	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	707.676.237	775.987.220
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.244.166.230	751.533.730
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.078.214.576	9.099.490.366
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	-	8.037.685.707
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	1.078.214.576	1.061.804.659
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.101.872.163	10.627.011.316

5.14 Dự phòng phải trả

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	132.357.228.488	105.357.228.488
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc	132.357.228.488	105.357.228.488
Cộng	132.357.228.488	105.357.228.488

Dự phòng phải trả ngắn hạn trích theo dự toán chi phí sửa chữa lớn thường xuyên các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Suong – An Lạc theo Phương án tài chính kèm theo phụ lục trong hợp đồng B.O.T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 a - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	1.130.141.919.940	1.130.141.919.940	88.623.338.068	45.000.000.000	1.086.518.581.872	1.086.518.581.872
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.130.141.919.940	1.130.141.919.940	88.623.338.068	45.000.000.000	1.086.518.581.872	1.086.518.581.872
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (*)	410.469.000.000	410.469.000.000	-	45.000.000.000	455.469.000.000	455.469.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (**)	282.778.797.625	282.778.797.625	-	-	282.778.797.625	282.778.797.625
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (***)	393.578.675.295	393.578.675.295	45.307.891.048	-	348.270.784.247	348.270.784.247
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (4*)	43.315.447.020	43.315.447.020	43.315.447.020	-	-	-
Cộng	1.130.141.919.940	1.130.141.919.940	88.623.338.068	45.000.000.000	1.086.518.581.872	1.086.518.581.872

(*) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18 tháng 10 năm 2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian ân hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Số dư tại 30/06/2018 là 410.469.000.000 đồng.

(**) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23 tháng 09 năm 2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suong - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/09/2014. Số dư tại ngày 30/06/2018 là 282.778.797.625 đồng.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(***) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn – đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Sương – An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay *180 tháng*. Lãi suất cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + *3,3% /năm*. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T Số dư tại thời điểm 30/6/2018 là 393.578.675.295 đồng

(4*) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay *132 tháng*, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân cộng biên độ *3,5%/năm*.. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Sương – An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T. Số dư khoản vay tại thời điểm 30/6/2018 là 43.315.447.020 đồng.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	249.492.000.000	36.232.017.206	113.803.905.763	399.527.922.969
Tăng trong năm	-	7.537.950.563	78.151.844.246	85.689.794.809
Lợi nhuận sau thuế	-	-	78.151.844.246	78.151.844.246
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	7.537.950.563	-	7.537.950.563
Giảm trong năm	-	-	45.643.103.673	45.643.103.673
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.537.950.563	7.537.950.563
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	8.166.113.110	8.166.113.110
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	29.939.040.000	29.939.040.000
Số dư tại 31/12/2017	249.492.000.000	43.769.967.769	146.312.646.336	439.574.614.105
Số dư tại 01/01/2018	249.492.000.000	43.769.967.769	146.312.646.336	439.574.614.105
Tăng trong kỳ	-	91.244.346.584	34.325.811.246	125.570.157.830
Lợi nhuận sau thuế	-	-	34.325.811.246	34.325.811.246
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	91.244.346.584	-	91.244.346.584
Giảm trong kỳ	-	-	146.312.646.336	146.312.646.336
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	91.244.346.584	91.244.346.584
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	10.159.739.752	10.159.739.752
Chia cổ tức năm 2017	-	-	44.908.560.000	44.908.560.000
Số dư tại 30/06/2018	249.492.000.000	135.014.314.353	34.325.811.246	418.832.125.599

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 02/NQĐHCĐ-CT ngày 27 tháng 4 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT Đối tượng góp vốn	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
1 Tổng Công ty IDICO - CTCP	118.508.700.000	118.508.700.000
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	24.949.200.000	24.949.200.000
3 Vốn góp của đối tượng khác	106.034.100.000	106.034.100.000
Cộng	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.908.560.000	29.939.040.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	135.014.314.353	43.769.967.769
Cộng	135.014.314.353	43.769.967.769

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu thu cước đường bộ	187.364.627.248	171.561.790.879
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.324.108.597	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	-	319.701.000
Cộng	188.688.735.845	171.881.491.879

5.18 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	87.701.651.603	77.829.802.805
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.855.725.597	-
Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích	-	287.730.900
Cộng	89.557.377.200	78.117.533.705

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.983.068.854	731.437.603
Lãi chuyển nhượng vốn góp dự án Khu dân cư Phường 6, tỉnh Long An	-	15.321.274.881
Cộng	2.983.068.854	16.052.712.484

5.20 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	38.405.444.633	35.479.496.541
Cộng	38.405.444.633	35.479.496.541

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.21 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên	16.074.529.744	12.271.040.938
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	913.227.765	978.109.939
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	260.448.090	543.016.474
Chi phí khấu hao TSCĐ	570.147.776	357.503.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.489.227	1.639.282.066
Chi phí bằng tiền khác	607.169.710	578.422.225
Cộng	20.074.012.312	16.367.374.713

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.544.193.471	3.700.155.205
Chi phí vật liệu quản lý	103.478.855	119.843.417
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.662.356	92.243.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	328.763.424	242.227.944
Thuế phí và lệ phí	186.867.781	171.242.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.427.454.083	1.079.395.715
Chi phí bằng tiền khác	1.090.715.135	1.268.175.635
Cộng	7.783.135.105	6.673.283.999

5.23 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.132.432.890	51.243.979.595
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
2. Thu nhập chịu thuế	36.132.432.890	51.243.979.595
2.1 Thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn		
- Thu nhập tính thuế	-	15.321.274.881
- Thuế suất	20%	20%
2.2 Thu nhập từ hoạt động kinh doanh		
- Thu nhập tính thuế	36.132.432.890	35.922.704.714
- Thuế suất	10%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.613.243.289	6.656.525.448
Thuế thu nhập được miễn giảm (giảm 50%)	1.806.621.645	1.796.135.236
Thuế TNDN hiện hành	1.806.621.644	4.860.390.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.325.811.246	46.383.589.383
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	(5.079.869.876)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.325.811.246	41.303.719.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.376	1.656

(*) Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2018 chưa tính đến ảnh hưởng của việc này.

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2017 được ước tính bằng 50% Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 giảm từ 1.859 VND xuống còn 1.656 VND

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.700.449.804	1.097.953.356
Chi phí nhân công	24.791.066.566	16.291.036.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.749.744.590	36.401.738.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.368.111.464	31.412.247.854
Chi phí khác bằng tiền	2.312.190.635	16.078.100.417
Cộng	110.921.563.059	101.281.076.614

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 a - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.406.011.986	1.512.103.364
<i>Giao dịch mua với các bên liên quan</i>			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<u>Giao dịch mua</u>			
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO INCON)	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Giám sát thi công	2.549.307.468
<u>GIAO DỊCH KHÁC</u>			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	2.993.904.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	14.221.044.000
Cộng			17.214.948.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (IDICO INCON)	Trả trước cho người bán	Phí giám sát	206.601.755	
	Phải trả người bán	Phí giám sát	-	444.412.124
Cộng			206.601.755	444.412.124

6.2 Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.154.351.309	7.675.336.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.491.264.762	8.065.707.783
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.018.656.401	128.653.188.494
Cộng	112.664.272.472	144.394.232.344
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.130.141.919.940	1.086.518.581.872
Phải trả người bán và phải trả khác	18.908.796.554	31.474.498.874
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	1.149.050.716.494	1.117.993.080.746

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.908.796.554	-	18.908.796.554
Các khoản vay	-	1.130.141.919.940	1.130.141.919.940
Tổng	18.908.796.554	1.130.141.919.940	1.149.050.716.494
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.474.498.874	-	31.474.498.874
Các khoản vay	-	1.086.518.581.872	1.086.518.581.872
Cộng	31.474.498.874	1.086.518.581.872	1.117.993.080.746

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.154.351.309	-	15.154.351.309
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.474.038.678	17.226.084	8.491.264.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.018.656.401	-	89.018.656.401
Cộng	112.647.046.388	17.226.084	112.664.272.472
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.675.336.067	-	7.675.336.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.048.481.699	17.226.084	8.065.707.783
Đầu tư tài chính ngắn hạn	128.653.188.494	-	128.653.188.494
Cộng	144.377.006.260	17.226.084	144.394.232.344

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trường Vũ



Nguyễn Văn Thọ






Nguyễn Hồng Ninh